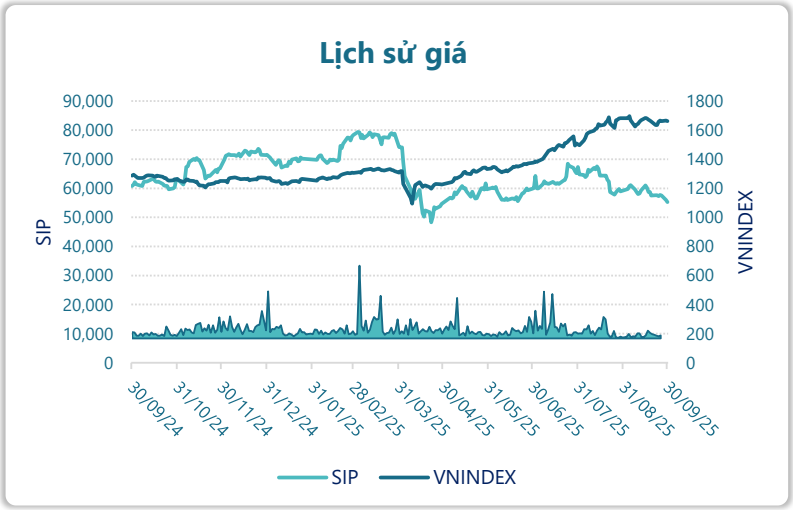
CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG (HSX: SIP)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**55,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	79,369
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	48,293
SL cổ phiếu LH	242,112,943
KLGD BQ 20 phiên (CP)	374,210
% sở hữu nước ngoài	3.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	13,365
P/E	10.1
EPS	5,449

DT thuần

Q3/25

2,234

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 105| 4.9%

YoY: ▲ 257| 13.0%

LN sau thuế

Q3/25

382

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 64.0| 20.0%

YoY: ▲ 68.0| 21.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

23.0%

+/- YoY: ▲ 2.6%

DT thuần

9T 2025

6,304

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 568| 9.9%

LN sau thuế

9T 2025

1,102

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 200| 22.1%

ROE

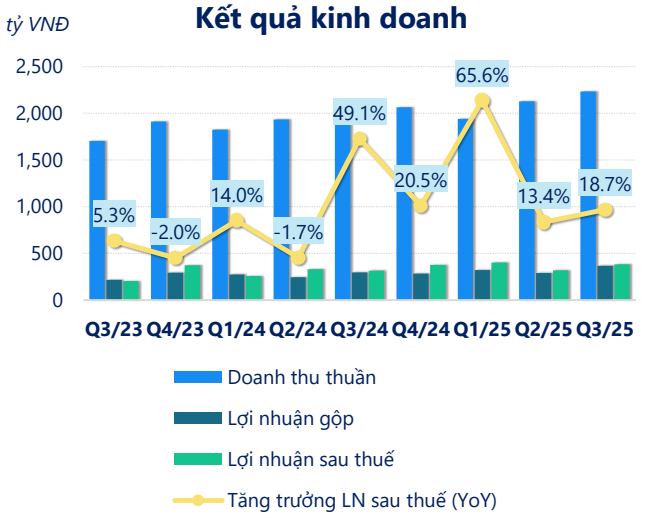
Q3/25

25.4%

+/- YoY: ▼ 2.3%

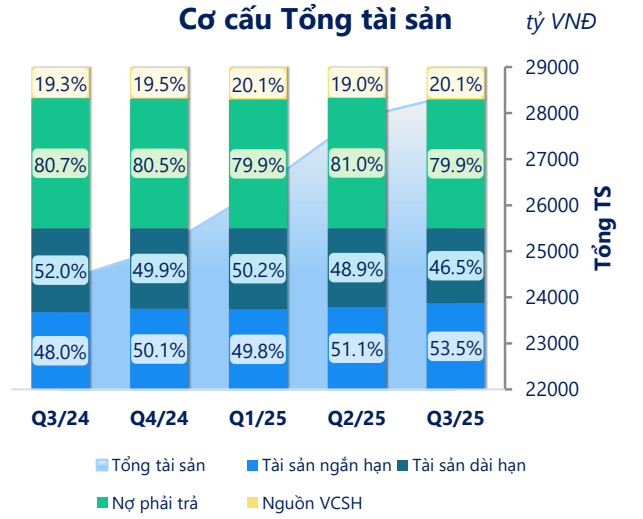
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



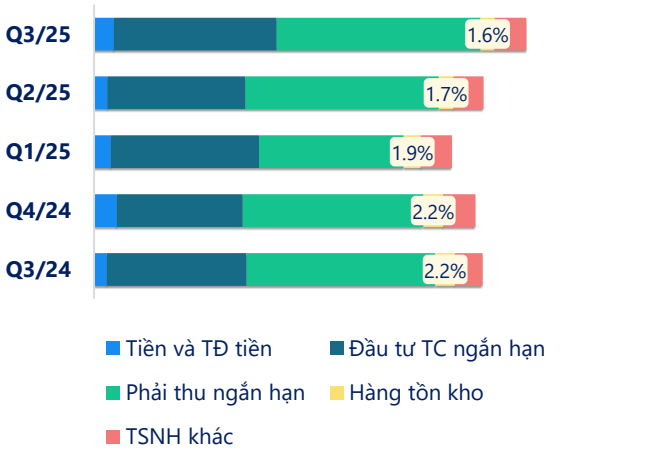
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



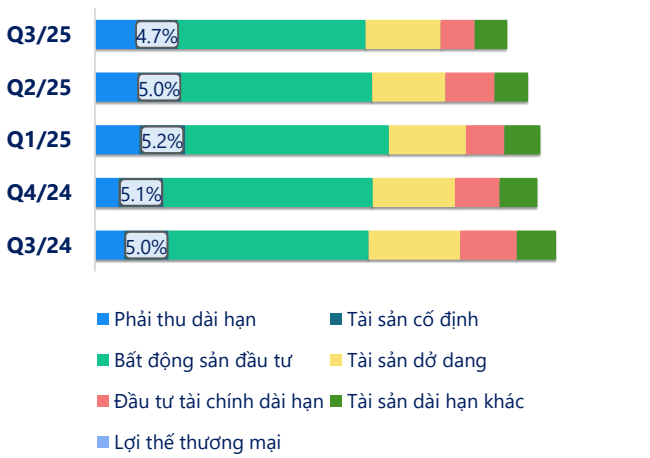
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



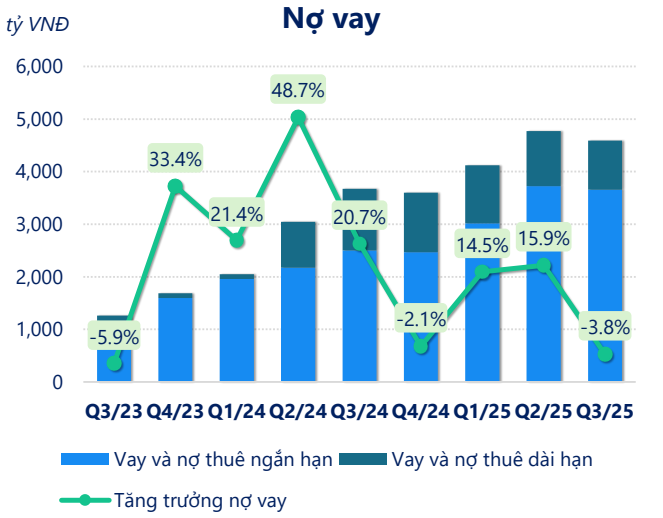
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



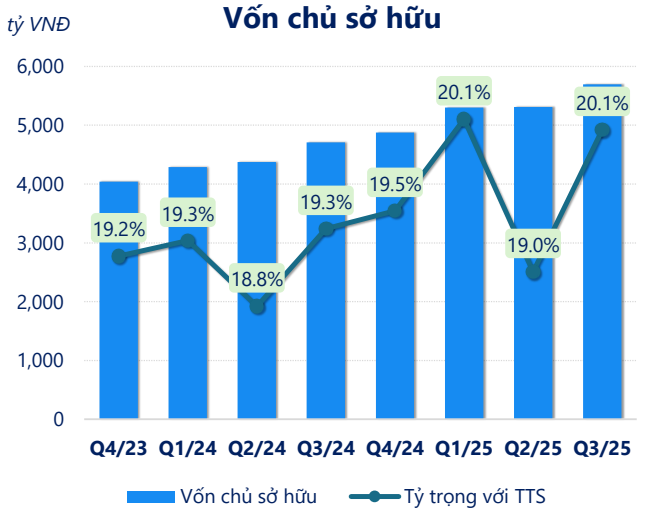
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



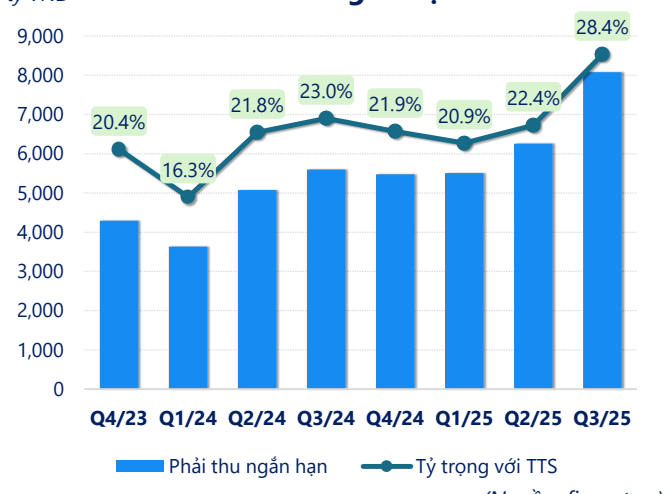
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



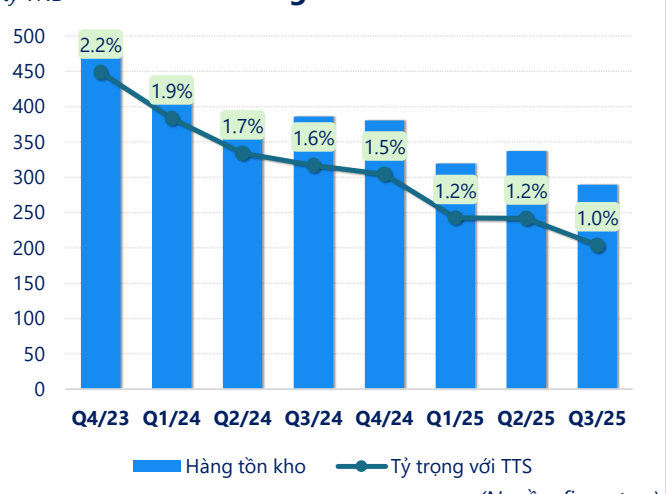
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



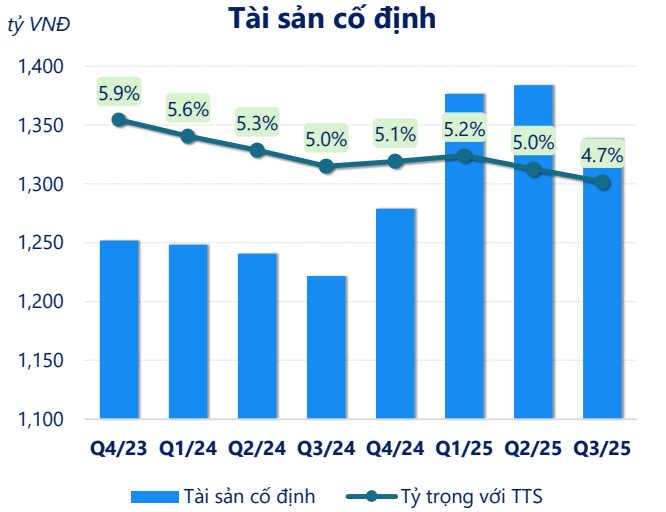
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



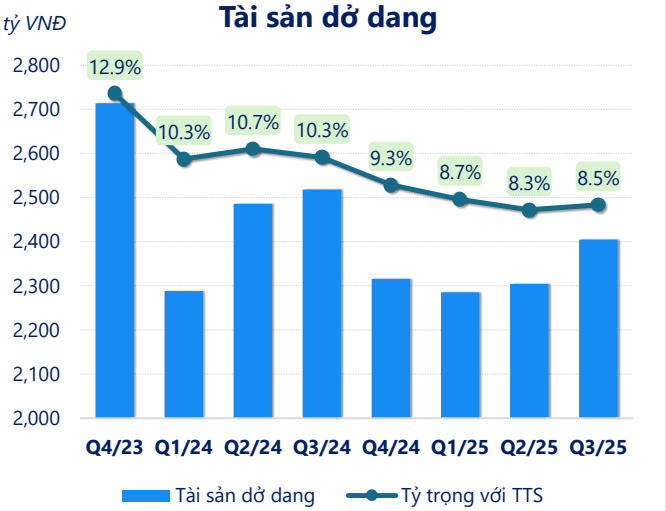
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



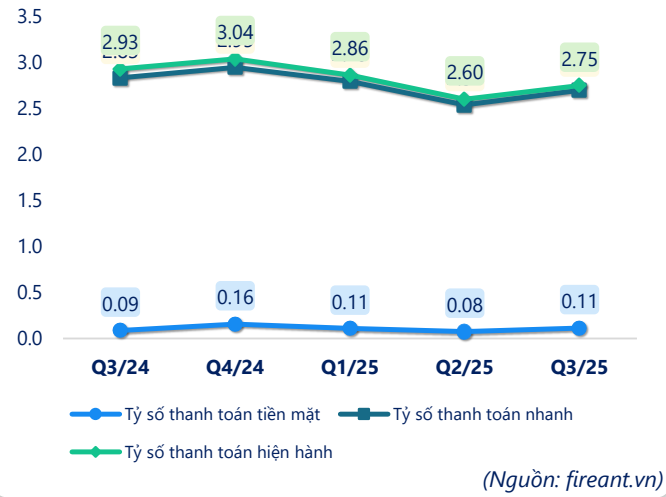
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



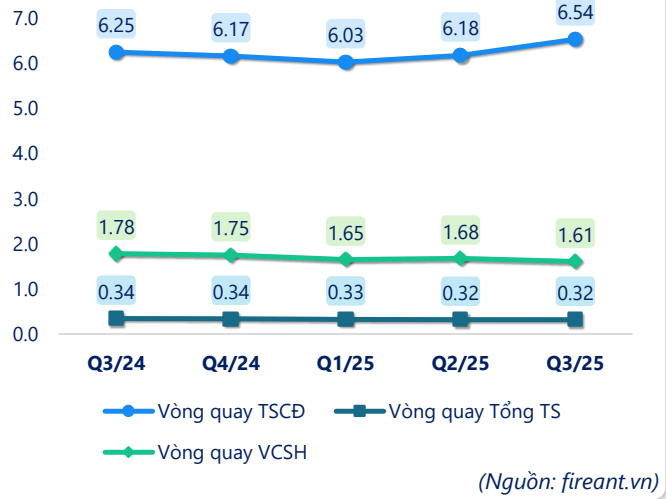
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**24,345**	**25,026**	**26,326**	**27,877**	**28,410**
Tài sản ngắn hạn	**11,678**	**12,529**	**13,097**	**14,249**	**15,188**
Tiền và tương đương tiền	345	644	496	413	631
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4,477	5,176	5,957	6,417	5,283
Phải thu ngắn hạn	5,600	5,479	5,506	6,253	8,078
Hàng tồn kho	386	380	319	337	290
Tài sản ngắn hạn khác	870	850	819	828	907
Tài sản dài hạn	**12,667**	**12,496**	**13,229**	**13,628**	**13,222**
Phải thu dài hạn	800	660	1,311	1,331	1,321
Tài sản cố định	1,222	1,279	1,376	1,384	1,338
Bất động sản đầu tư	5,493	5,907	6,047	6,006	6,021
Tài sản dở dang	2,518	2,316	2,285	2,304	2,405
Đầu tư tài chính dài hạn	1,559	1,260	1,140	1,541	1,080
Tài sản dài hạn khác	1,076	1,075	1,069	1,062	1,057
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**19,634**	**20,151**	**21,027**	**22,568**	**22,713**
Nợ ngắn hạn	**3,985**	**4,123**	**4,574**	**5,479**	**5,526**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,503	2,466	3,017	3,723	3,659
Phải trả người bán ngắn hạn	206	241	226	233	232
Nợ dài hạn	15,649	16,028	16,453	17,089	17,187
Vay và nợ thuê dài hạn	1,170	1,132	1,101	1,050	931
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,711**	**4,874**	**5,298**	**5,309**	**5,697**
Vốn chủ sở hữu	**4,711**	**4,874**	**5,298**	**5,309**	**5,697**
Vốn điều lệ	2,105	2,105	2,105	2,105	2,421
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)